TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN DŨNG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2023/HS-ST
Ngày 10-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương N Biên, bà Nguyễn Thị Nhàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mông Anh Tuấn - Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 10/8/2023 tại phòng xét xử trực tuyến – Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang, Toà án nhân dân huyện Yên Dũng xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 57/2023/HSST ngày 29 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2023/HSST ngày 25 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn N**, sinh năm 1994 tại huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang; nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Thôn T, xã Đ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; văn hóa: 09/12; nghề nghiệp: Tự do; con ông Trần Văn B và con bà Nguyễn Thị X; vợ, con: Chưa có; Tiền án:

- Bản án số 11/2017/HSST ngày 23/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" (chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/01/2019).

- Bản án số 13/2020/HSST ngày 10/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" (chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/7/2021).

* Tiền sự:

- Ngày 18/4/2022 bị UBND xã Đồng Phúc, huyện Yên Dũng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Trộm cắp tài sản".

- Ngày 11/5/2022 bị UBND xã Cảnh Thuỵ, huyện Yên Dũng xử phạt hành chính về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma tuý".

* Nhân thân: Ngày 05/12/2021, UBND xã Đ, huyện Yên Dũng quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, thời hạn 03 tháng.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/3/2023 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (có mặt tại phiên toà).

* Bị hại:

- Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1953 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã V, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Nguyễn Vinh Q, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố số 5, thị trấn N, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố M, thị trấn N, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Ông Trần Văn S, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang

** Người làm chứng:* Anh Nguyễn Minh D, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn N là đối tượng nghiện ma tuý, không có nghề nghiệp ổn định. Do không có tiền chi tiêu cá nhân, nên N thường đi lang thang trên các trục đường, nếu phát hiện thấy ai để tài sản sơ hở thì vào trộm cắp đem bán lấy tiền chi dùng cá nhân. Trong 02 ngày 07/3/2023 và ngày 14/3/2023, N đã thực hiện 02 lần trộm cắp xe mô tô trên địa bàn huyện Việt Yên và Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang cụ thể:

** Vụ thứ nhất:*

Khoảng 13 giờ, ngày 07/3/2023, sau khi đi đến huyện Việt Yên, Bắc Giang, N một mình đi bộ ở khu vực Thôn C, xã V, huyện Việt Yên để quan sát tìm tài sản để trộm cắp. Khi đi đến khu vực trước cửa quán ăn sáng của ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1953 ở Thôn C, xã V, huyện Việt Yên, N phát hiện thấy có một chiếc xe mô tô dựng ỏ trước cửa quán, chìa khoá xe vẫn cắm ở ổ khoá điện. Đó là xe mô tô biển kiểm soát 98AH-020.39, của gia đình ông N dựng ở đó, quan sát thấy không có người trông coi, N đi đến trộm cắp chiếc xe của ông N đem đến nhà nghỉ Sao Mai thuộc tổ dân phố 5, thị trấn N, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, N mở cốp xe kiểm tra thì phát

hiện, trong cốp xe có 01 đăng ký xe, 01 chứng minh nhân dân, 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn N, N để các giấy tờ ở trong xe và nói dối anh Nguyễn Vinh Q, sinh năm 1989 ở tổ dân phố 5, thị trấn N là chủ nhà nghỉ là xe của N cắm cho anh Quang được 2.000.000 đồng, sử dụng ăn tiêu cá nhân hết.

Đối với ông Nguyễn Văn N, sau khi phát hiện bị mất trộm xe mô tô đã làm đơn trình báo.

Ngày 18/5/2023, cơ quan điều tra thu giữ chiếc xe mô tô do N trộm cắp của ông Nguyễn Văn N cùng các giấy tờ do anh Nguyễn Vinh Q giao nộp.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 80 ngày 10/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Việt Yên, kết luận: Trị giá chiếc xe mô tô N trộm cắp của ông N là 4.000.000 đồng.

Ngày 20/5/2023, Cơ quan điều tra Công an huyện Việt Yên đã trả ông Nguyễn Văn N: 01 xe mô tô biển kiểm soát 98AH-020.39, 01 đăng ký xe mô tô, 01 căn cước công dân, 01 chứng minh nhân dân, 01 thẻ bảo hiểm y tế đều mang tên Nguyễn Văn N; Ông N đã nhận lại tài sản không đề nghị gì khác.

** Vụ thứ hai*:

Khoảng 10 giờ, ngày 14/03/2023, sau khi đi đến khu vực xã N, huyện Yên Dũng, N đi bộ một mình trên Quốc lộ 37 theo trục đường mòn hướng về khu nhà văn hóa thôn T, xã N, huyện Yên Dũng. Khi đến khu nhà văn hóa thôn T, N, Yên Dũng, N quan sát thấy có nhiều xe mô tô dựng ở bờ đường. Trong đó có xe mô tô biển kiểm soát 98AG-006.94, của bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968 ở thôn T, xã N, huyện Yên Dũng dựng ở đó đi xuống đồng làm việc. Quan sát thấy chìa khoá vẫn cắm ở ổ khóa điện, xung quanh vắng người qua lại, N đi đến trộm cắp đem đến khu vực mương nước phía sau Công ty Habok thuộc xã Cảnh Thuy, huyện Yên Dũng tháo biển kiểm soát cất giấu vào bụi cây rồi lấy biển kiểm soát 98H1-084.07, N khai nhặt được từ trước lắp vào xe vừa trộm cắp được rồi đi đến quán Internet Khánh Nga ở tổ dân phố 5, thị trấn N, huyện Yên Dũng. Khi đến quán Internet Khánh Nga, N gặp anh Nguyễn Minh D, sinh năm 1996, ở Thôn N, xã Đ, huyện Yên Dũng là bạn đang ở đó. N nói dối anh D là xe mô tô của N và bảo anh D đem đi cắm hộ, thì anh D đồng ý. Sau đó anh D đem đến nhà nghỉ Ánh Nguyệt, ở khu dân cư Lạc Phú 1, tổ dân phố M, thị trấn N, huyện Yên Dũng cắm cho ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1968, là chủ nhà nghỉ được 2.000.000 đồng, N chi dùng cá nhân hết.

Đối với chị T, sau khi phát hiện bị mất trộm xe mô tô đã làm đơn trình báo.

Ngày 15/3/2023, biết hành vi trộm cắp của mình bị phát hiện, N đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang đầu thú và giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu trắng.

Ngày 15/3/2023, cơ quan điều tra thu giữ chiếc xe mô tô do N trộm cắp của chị T do ông Nguyễn Trung T giao nộp.

Cùng ngày 15/3/2023, Cơ quan điều tra thu giữ 01 biển kiểm soát 98AG-006.94 tại vị trí cạnh mương nước phía sau công ty Habok, thuộc địa phận xã Cảnh Thuỵ, huyện Yên Dũng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 14 ngày 17/03/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Yên Dũng kết luận: Trị giá chiếc xe mô tô N trộm cắp của chị T là 3.500.000 đồng.

Ngày 09/6/2023, Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Dũng đã trả lại bà Nguyễn Thị T 01 xe mô tô biển kiểm soát 98AG-006.94, bà T đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu đề nghị gì.

Tại Cơ quan điều tra Trần Văn N đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Từ những nội dung trên, bản Cáo trạng số 63/CT-VKSYD ngày 28/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng đã truy tố bị cáo Trần Văn N về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố, bị cáo xác định việc bị truy tố là đúng người, đúng tội, không oan. Về trách nhiệm dân sự bị cáo nhất trí hoàn trả lại cho anh Nguyễn Vinh Q số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Về vật chứng bị cáo đề nghị được sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu trắng.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã được Toà án tống đạt, triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của những người này có trong hồ sơ vụ án.

Sau phần xét hỏi, tại phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng giữ N quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Về hình phạt: Xử phạt Trần Văn N từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 15/3/2023.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc Trần Văn N hoàn trả cho anh Nguyễn Vinh Q số tiền 2.000.000 đồng.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu huỷ 01 Biển kiểm soát 98H1-084.07; tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu trắng có số imei 1: 869525027742556; Imei2: 869525027742549.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Tại phần tranh luận: Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin được hưởng hình phạt nhẹ nhất.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà; Trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng:

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa xét xử vụ án, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do vậy hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội:

Theo các tài liệu đã được điều tra, thu thập có trong hồ sơ thể hiện: Trong 02 ngày 07/3/2023 và ngày 14/3/2023, Trần Văn N đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản tại địa bàn huyện Việt Yên và huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Tài sản bị trộm cắp là 01 xe mô tô của ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1953 ở Thôn C, xã V, huyện Việt Yên trị giá 4.000.000 đồng và 01 xe mô tô của bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968 ở thôn T, xã N, huyện Yên Dũng trị giá 3.500.000 đồng. Tổng trị giá tài sản N trộm cắp là 7.500.000 đồng.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với biên bản hiện T, kết quả thực nghiệm điều tra, bản ảnh hiện T, kết luận định giá tài sản, vật chứng bị thu giữ cùng các tài liệu và chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ vụ lợi, muốn có tiền tiêu sài bằng con đường bất chính nên vẫn cố tình thực hiện. Bị cáo là người chưa được xoá án tích lại tiếp tục phạm tội mới nên lần phạm tội này thuộc T hợp "Tái phạm nguy hiểm".

Cáo trạng số 63/CT-VKSYD ngày 28/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, thể hiện sự coi thường pháp luật. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

[3] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy:

***** Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

***** Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải, sau khi phạm tội ra đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

***** Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu, nhiều lần bị Toà án kết án phạt tù, nhiều lần bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính nhưng bị cáo không biết lấy đó là những bài học cho bản thân, không chịu tu dưỡng, rèn luyện mà vẫn tiếp tục thực hành phạm tội. Qua đó chứng tỏ bị cáo là người coi thường pháp luật, khó giáo dục cải tạo. Vì vậy cần xử lý nghiêm, buộc bị cáo cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người biết tuân thủ pháp luật, sống có ích cho gia đình và xã hội.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung: Tội phạm này có quy định hình phạt bổ sung bằng tiền, nhưng xét thấy bị cáo là người nghiện ma tuý, không có nghề nghiệp, không có tài sản. Do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo xét thấy là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đều đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm gì khác nên về vấn đề này không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với thiệt hại của những người cho bị cáo cầm cố xe mô tô: Quá trình điều tra, bà Nguyễn Thị Xây là mẹ đẻ bị cáo đã trả ông Nguyễn Trung T 2.000.000 đồng, ông T đã nhận đủ không có yêu cầu gì khác nên về trách nhiệm dân sự đối với ông T không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Vinh Q yêu cầu Trần Văn N trả lại 2.000.000 đồng tiền

cầm cố chiếc xe mô tô trộm cắp. Xét thấy thiệt hại về vật chất đối với anh Nguyễn Vinh Q là do hành vi trái pháp luật của các bị cáo gây ra. Do vậy cần buộc bị cáo phải hoàn trả số tiền trên cho anh Quang là phù hợp quy định tại Điều 579 và Điều 580 Bộ luật Dân sự.

[6] Đối với các vấn đề khác:

Đối với anh Nguyễn Minh D là người được N nhờ mang xe mô tô trộm cắp đi cầm cố cho ông Nguyễn Trung T và anh Nguyễn Vinh Q. Tuy nhiên anh D, ông T và anh Quang không biết đó là tài sản do Trần Văn N phạm tội mà có, cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự đối với những người này là phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc biển kiểm soát 98H1- 084.07 (bị cáo khai nhặt được tại đường liên thôn thuộc thôn Đông Khánh, xã Tư Mại, huyện Yên Dũng), đây là biển số xe mô tô của ông Trần Văn S, sinh năm 1969 ở thôn Đ, xã P, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Ông S đã bán xe mô tô này cho người không quen biết từ lâu, hiện không xác định chủ sử dụng chiếc xe này. Do vậy chiếc biển kiểm soát này không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu huỷ.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu trắng có số imei 1: 869525027742556; Imei2: 869525027742549 thu giữ của bị cáo Trần Văn N. Do bị cáo không đề nghị nhận lại nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Hình sự và Điều 23, Điều 24, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 47; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 579, Điều 580 Bộ luật Dân sự; Điều 106; Điều 136; Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23, Điều 24, Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về trách nhiệm hình sự:

- Xử phạt bị cáo Trần Văn N 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 15/3/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc Trần Văn N hoàn trả cho anh Nguyễn Vinh Q số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu huỷ 01 Biển kiểm soát 98H1- 084.07.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu trắng có số imei 1: 869525027742556; Imei2: 869525027742549.

4. Về án phí: Bị cáo Trần Văn N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Công an huyện Lục Nam;
- VKSND huyện Lục Nam;
- UBND xã Đ, H. Yên Dũng, BG;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Bị cáo;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thái Sơn